

ĐỒNG NAI – CỬU LONG: CA DAO VÀ SÔNG, NƯỚC, GHE THUYỀN

TS Nguyễn Hữu Phước

SƠ LƯỢC

Châu thổ Đồng Nai – Cửu Long, nhất là vùng Cửu Long (sông Tiền và sông Hậu có một hệ thống sông rạch và kinh đào hết sức dồi dào, giúp cho việc lưu thông bằng đường thủy rất tiện lợi. Hệ thống sông ngòi còn giúp cho một số lớn cư dân sống bằng ngư nghiệp. Nước sông giúp cho vườn tược, ruộng nương được màu mỡ.

Văn chương bình dân như ca dao, hay các câu hò thường dùng hay mượn những hình ảnh của những gì liên quan đến cuộc sống vật chất hằng ngày (thường là câu đầu) [(gồm những từ ngữ liên quan đến sông*, (* gồm cả: bầu, bưng, đầm, đìa, kinh, mương, rạch v.v.), con nước, ghe (thuyền, tàu), những dụng cụ ngư nghiệp, tên các loại cá tôm cua,v.v.)] để nói lên những tâm tình, hay suy nghĩ của mình (câu số hai).

Sau đây là một số những từ ngữ mà dân Lục Tỉnh thường dùng trong ca dao:

Ghe: Hiện nay chiếc ghe vẫn còn là phương tiện lưu thông trong hệ thống sông ngòi chằng chịt cho đa số dân miền Lục Tỉnh. Huống gì ngày xưa, khi chưa có xe hơi và hệ thống giao thông đường bộ, chiếc ghe không những chỉ là một dụng cụ cần thiết về giao thông, mà còn là nơi cư trú cho một số dân Đồng nai - Cửu long. Do đó hình ảnh sông nước và chiếc ghe (chèo xuôi theo, hay ngược dòng nước) và hệ thống các sông rạch lớn nhỏ, với nước ròng, nước lớn, đã đi vào ca dao hay văn chương bình dân của miền Nam.

Rạch: Sông nhỏ chảy ra sông lớn.

Bầu: Là vũng nước thiên nhiên, bờ bầu thường có đường cong, nhiều cái bầu có hình tròn, rộng năm mươi thước cho đến vài trăm thước. Một trong những bầu lớn nhất của miền Nam hiện nay có lẽ là Bầu Cà Na, ở trước cửa chánh của Đền Thánh Cao Đài, Tây Ninh, với đường kính độ 300 thước.

Khi nước ở ruộng cạn dần, cá tôm rút về trong các bầu, đìa. Nông dân chỉ cần tát cạn nước là bắt được nhiều cá tôm. Mỗi miếng ruộng lớn thường được đào nhiều đìa.

Bưng: Đồng lầy, nơi có nước đọng, nhiều đất bùn, không có cát, nhiều cây sậy, cây tranh, cây lác.

Đầm: Là vũng, ao, nơi nước đọng có cá tôm (ca dao: trong đầm gì đẹp bằng sen, lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng).

Đìa: Là vũng nước nhân tạo ở ruộng hay rừng, đìa thường có chiều rộng độ vài thước và chiều dài hơn nhiều lần chiều rộng, chiều dài có thể đến mấy mươi thước.

Kinh: hệ thống sông đào lớn và sâu, dùng nối liền các sông rạch; và mương các kinh đào nhỏ dẫn nước từ sông rạch hay kinh.

Mương: rãnh nước lớn, đào rộng ra, để cho nước từ rạch kinh, vào ra giữa hai khoảnh đất, các mảnh vườn cây trái, để có nước đủ cho cây sống mạnh.

Chừng nào **Bưng Bạc*** hết sinh

Bàu Thành** hết nước, hai đũa mình xa nhau.

(* , ** Thuộc huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Tháng năm tát cá dưới **bàu**,

Nắng ọi là nắng dãi dầu vì ai

Hồ ơ: Về Càn Thơ là về ngay vựa lúa

Trên **ruộng** dưới **đìa** chen giữa **đồng, bưng**.

DÒNG SÔNG VÀ CA DAO

Chúng ta có một số câu ca dao mượn dòng sông để nói lên tâm tình nam nữ.

Những câu ca dao tổng quát về nỗi lòng giữa chàng và nàng:

Con sông bên lở bên bồi,

Một con cá lội mấy người buông câu.

Ra đi anh một* ngó chừng

Ngó sông, sông rộng, ngó rừng, rừng sâu.

(* Một = không thay đổi, vẫn y như vậy, quyết lòng)

Sông sâu cá lội lững lờ

Lấy ai thì lấy, đừng chờ ổng công

Sông sâu cá lội vào bờ

Phải duyên thì lấy, đợi chờ làm chi.

Sông sâu ai dễ cầm sào

Chim đà mền cội, cá lẽ nào **quên sông**

Sông sâu sào vắn khó dò,

Nào ai lấy thước mà đo lòng người.

Sông sâu nước chảy có nguồn

Con **sam*** có cặp theo luồng nước trong.

(* Sam: Thủy sản thuộc loài cua, sông ở biển, có khi theo nước biển vào sông khi triều dâng. Ngư phủ thường bắt được sam cặp, một đực một cái luôn đeo với nhau. Thành ngữ “thân nhau như sam cặp” có nghĩa bóng là “thân thiết không rời nhau”).

Sông dài cá lội biệt tăm
Chín thu cũng đợi, mười năm cũng chờ.

Sông dài cá lội biệt tăm
Người thương đâu vắng, chỗ nằm còn đây.

Sông dài được mấy đò ngang
Ai nhiều nhân ngãi ít mang oán thù.

Nàng, dòng sông và nỗi lòng:

Sông dài cá lội biệt tăm
Thấy anh người nghĩa mấy năm (**em**) cũng chờ.

Sông Sài Gòn, cầu Bình Lợi ,
Tôi tưởng tình chồng vợ, tôi đợi hết hơi.
Ai dè mình kiếm chuyện nói chơi cho qua đường.
(Hò cây lúa, Tân Uyên, Sông Bé)

Sông sâu có cặp cá kìm
Anh đà có bạn, **em** biết tìm nơi đâu.

Sông Tiên cá lội xòe vi
Chị Thúy Kiều sầu anh Kim Trọng,
Tỉ như **tui** sầu mình.

Sông sâu nước chảy ngập kiêu (cây cầu)
Dù anh phụ bạc còn nhiều nơi thương.

Chàng, dòng sông và nỗi lòng:

Sông dài cá lội biệt tăm,
Phải duyên phu phụ, ngàn năm **anh** cũng chờ.

Sông dài cá lội huyền thuyền
Lòng **anh** muốn bắt con cá lội riêng một mình.

Sông Cửu Long chín cửa hai dòng,
Người thương anh vô số,
Nhưng **anh** chỉ một lòng với em.

Sông Gò Quao* sóng lớn lượn dài
Rạch Nhà Ngang* khúc cong khúc đại
Còn **anh thương em** xứng trai, xứng gái
Tại cha với mẹ kén lựa sui gia.

(* Thuộc tỉnh Kiên Giang)

Sông sâu sào vắn khó dò,
Muốn qua thăm **bậu** gác đờ không đưa.

Sông Vàm Cỏ nước trong thấy đáy,
Dòng Cửu Long xuôi chảy dịu dàng.

Ai về **Mỹ Thuận Tiền Giang**,
Có thương nhớ **gã*** đánh đàn năm xưa.

(* Gã: chữ gọi người trai trẻ)

Chàng, Nàng mượn dòng sông để đối đáp:

- **Sông sâu** kiếm chẳng đặng đò,
Muốn **lội** qua thăm bậu mà sợ hụt giò chết trôi .
- Bớ này anh nó ời, nếu anh lỡ có hụt giò,
Thì em sẽ **lội** xuống đặng mò anh lên.
- Thôi em ời mò chi cái xác không hồn,
Bạn tâm lỗi xóm phải chôn cất giùm.
Thử sanh tiền kiếp sống linh binh
Đến khi nhắm mắt phải trọn tình với **cá tôm**.

NƯỚC VÀ CA DAO

Một số khá đông dân Lục Tỉnh dùng sông làm phương tiện sinh sống và lưu thông. Do đó có rất nhiều từ ngữ nói về nước hay con nước, nước lớn nước ròng, nước rông, nước kém, v. v. Sau đây chúng tôi kể ra một số từ ngữ mà chúng tôi biết, do lúc nhỏ có một thời gian sông bằng nghề bắt cá, và khi học Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, chúng tôi nghiên cứu về nghề làm đáy trong sông và luận văn Cao Học Văn Khoa cũng là “Nghề làm đáy (hay nghề hạ bạc) ở vùng Đồng Nai – Cửu Long”.

Nước ròng: triều xuống; nước chảy về hướng sông cái, trong lúc nước sông cái chảy về hướng biển.

Nước lớn: triều lên, nước chảy về hướng nguồn, dâng lên cao.

Nước rông = triều cao, mực nước cao, dù lớn hay ròng. Nước rông cao nhất vào những ngày rằm (ngày 15 âm lịch) = trăng tròn, với vài ngày trước và sau ngày rằm.

Nước kém = triều thấp, hiện tượng ngược lại với nước rông, có nghĩa là mực nước trung bình rất thấp, xảy ra vào những ngày/đêm tối trời (không trăng)..

Nước đứng = còn gọi là **nước ương:** nước không chảy vào, cũng không chảy ra, giữa khoảng nước lớn hay và nước ròng.

Nước giạt = nước xuống nhanh khi ròng.

Nước lụt = nước dâng cao tràn bờ, trong mùa mưa, không thoát kịp ra biển.

Nước những = nước sắp sửa lớn hoặc sắp sửa ròng; nước những lớn, nước những ròng.

Nước sát = nước róng, thấp gần tận đáy sông.

Nước xiết = nước chảy thật mạnh, nhanh; nước xiết thường chỉ xảy ra khi nước đang ròng lại gặp trời mưa, đem thêm nhiều nước vào sông rạch.

Nước xoáy = nước xoay tròn; hiện tượng này xảy ra nơi hai dòng nước của hai con sông gặp nhau. Ở Vĩnh Long có một vùng nước xoáy rất nổi tiếng tên là vùng Hồi Oa (= nước xoáy).

Vùng có nước xoáy rất nguy hiểm cho ghe tàu, nhất là những chiếc ghe chuyên chở đầy hàng hóa.

Giáp nước = nước sông và nước biển gặp nhau. Nơi giáp nước, nước ngọt của sông bị pha với nước biển, không còn dùng làm nước uống được nữa. Dân ở “vùng giáp nước” phải lo hứng nước mưa thật nhiều trong mùa mưa, chứa trong những chiếc lu thật to, để dành dùng trong mùa nắng.

Nước ngược = Đi ngược chiều dòng nước (lớn hay ròng): Chèo nước ngược

Nước xuôi = Đi theo chiều dòng nước: Chèo nước xuôi.

Những câu ca dao:

Nước ròng* bỏ bãi xa cừ
Gặp em hỏi thử sao từ nghĩa nhân.

Nước ròng trong ngọn chảy ra
Thấy em có nghĩa bốn ba tới liền.

Nước ròng chảy xuống như tên
Bắt tay chào hỏi ghe thuyền bốn phương

Nước ròng tôm đất lội xuôi
Chỉ tơ thòng xuống cột tôi với mình.

Nước ròng chảy đến Tam Giang
Sầu đâu* chín rụng sao chàng biệt tin

(* Sầu đâu là tên một loại thực vật, còn có tên là cây khổ luyện)

Nước lên (lớn) thì **nước lại ròng**
Để gì bắt được con còng trong hang.

(Nước lên rồi nước lại ròng,
Đố ai bắt được con còng trong hang.)

Bìm bịp kêu **nước lớn** anh ơi
Buôn bán không lời chèo chóng mỗi mê

Nước sao **nước chảy** tràn đồng
Tơ duyên còn đó, chỉ hồng chưa se.

Nước chảy re re, con cá he nó xoè đuôi phụng.
Anh xa em rồi, trong bụng (anh vẫn) còn thương.

Trăng lên con **nước ròng** đầy
Anh đừng đến nữa, cha mẹ rầy khổ em.

Dưới đời ai tốt bằng bèo
Chờ cho **nước lụt**, bèo trèo lên sen.

Nước không churen, sao kêu **nước đứng***
Con cá không trèo, sao nói **cá leo****

(* **Nước đứng**: Xem định nghĩa bên trên)

(****Cá leo** = tên một loại cá; trèo leo trong câu này là một cách chơi chữ)

Dòng xuôi (nước xuôi) ngọn gió càng to
Lá buồm càng lớn chiếc đò càng nhanh.

Gió xuôi (đi theo chiều gió) và nước xuôi là 2 yếu tố chánh để ghe thuyền di chuyển với tốc độ nhanh. Không hiểu vì sao dân ta lại dùng câu chúc **thuận buồm xuôi gió**; đây là câu chúc cho một người hay nhiều người sắp đi xa. Nếu thuận buồm xuôi gió mà gặp dòng nước ngược thì chắc chắn là không đi nhanh được rồi.

(Tàu cũng có câu **Xuận xui thuận phong** 順水順風 = thuận nước thuận gió). Phải chăng câu “thuận nước thuận gió” nghe không êm tai bằng câu “thuận buồm xuôi gió” nên chúng ta xài câu sau khi chúc bà con khi đi xa.

GHE VÀ CA DAO

Tường giếng sâu qua nỗi sợ dây cụt*
Ai dè giếng cạn nó hụt cái sợi dây
Qua tới đây mà không cưới được cô Hai mây
Qua **chèo ghe** ra biển... đọi nước đầy qua chèo vô.

Tác giả ghi lại 4 câu trên là Hồ Tĩnh Tâm; xem tham khảo (a); hai câu ca dao thường nghe hơn là:

Tường giếng sâu qua nỗi sợ dây dài
Ai dè giếng cạn anh tiếc hoài sợi dây.]]

Chèo* dài sông hẹp khó lùa*,

Thấy em ở ruộng quê mùa anh thương

(* **Chèo** (danh từ): dụng cụ để đẩy, chèo (động từ) ghe cho ghe đi tới; **nhấp, lùa**: hai cách vận chuyển mái chèo khi chèo ghe)

Anh ơi, sóng gió liên miên,
Ra công **bát cạy*** cho thuyền tới nơi.

(* Cách lái ghe xuống; bát: lái hướng trái; cạy: lái hướng phải)

Bớ chiếc **ghe** sau, chèo mau anh đọi
Kéo đêm tối rồi, trời lại chuyển mưa.

[(Bớ chiếc ghe sau, chèo mau anh (em) đọi,
Kéo (khuất) khúc sông này, bờ bụi tối tăm.)]

Bớ chiếc thuyền loan, khoan khoan bớt mái*,

Đặng đây tỏ một hai lời phải trái nghe chơi.

(* Mái = mái chèo)

Bớ chú **lái ghe**, đừng ve cô bán cá
Để cô đi về, tía má cô trông.

Bớ chú sau lái, bớ chú trước mũi,
Bớ chú bửa củi, bớ chú trong mui,

Có gặp chồng tui, giảng câu bửa lưới,
Dưới rạch trên gành,

Gió mùa đông thổi càng thêm ngót,
Cám cảnh thương chồng chua xót lá gan

Bước xuống ghe, lòng buồn khắc khoải
Thương em ở nhà dầu dãi nắng mưa.

Chồng **chèo** thì vợ cũng **chèo**,
Hai đấng đã nghèo lại đụng lầy nhau.

Ghe ai đổ mũi xanh lườn
Phải **ghe** Gia Định xuống (miệt) vườn thăm em ?

Ghe anh đổ mũi xanh lườn
Ở trên Gia Định xuống vườn thăm em.

Ghe anh mỏng ván bóng láng nhẹ chèo,
Xin anh bớt mái nương lèo đợi em

Ghe bầu trở lái về đông,
Con gái theo chồng bỏ mẹ ai nuôi?
Mẹ tôi đã có người nuôi,
Tôi theo chú lái cho xuôi chữ tòng (một bề).

Ghe em rẽ vô ngọn, anh chẳng đón chẳng chờ,
Ghe anh tách bến tách bờ,
Em buồn cho trắng mờ sao lặn,
Minh lầy nhau chẳng đặt,
Bởi bà mai lưởi vẫn ít lời.

Ghe lên ghe xuống dầm dề,
Sao anh không gởi thơ về thăm em?

Ghe lui, em chẳng dám cầm
Hai vạt áo lụa ướt dầm như mưa.
Ghe lui thì bạn nhỏ sào
Anh còn bịn rịn khóc gào thăm thê.

Chèo ghe sợ sáu cần chươn (chân),
Xuống bưng sợ đĩa, lên rừng sợ ma.

Chim quyên lót ổ dưới đĩa
Đôi ta mới gặp đừng lìa xa nhau
Chim bay về cội, **cá** lội về **đĩa**
Lòng tôi thương bậu, khóa chìa giao cho.

Chiều chiều ra đứng **bờ kinh**
Thấy ai ở góa tôi rình về nhà.

Chiều chiều ra đứng **bờ mương**
Bên tình, bên hiếu, biết thương bên nào.

Bởi anh đành đoạ, đồn ngọn cây bần,
Không cho **ghe cá** đậu gần **ghe tôm**.
Thương anh em phải sớm hôm.

Chiều mai chiều mốt, anh cốt* cây bần
Đừng cho **ghe cá** đậu gần **ghe tôm**.

[(* Chữ “cốt = đồn là một phương ngữ vùng Rạch Giá)

* Theo TS PTT, 2 câu trên lấy từ “Bộ hành với Ca dao” của tác giả Lê Giang. Ông PTT giải thích rằng có một anh chàng không cho ghe một anh khác đậu gần “ghe cô bán tôm” là vì “ghen”; đây là ca dao vùng Rạch Giá, Cà Mau vì hai nơi này từ “cốt” có nghĩa là đốn (chặt) cây rất thông dụng)].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu “sống” (truyền khẩu):

Do các “bạn già” sau đây, (và còn có nhiều bạn không muốn nêu danh tánh): Ô.: Đỗ Hải Minh, MTT, HP, NHH, NTĐức, Nguyễn Trọng Thiệt, NVB, Nguyễn Văn Châu, Trần Gia Phụng, Võ Thành Tài. Bà: Nguyễn Thị Bạch, Lê Văn Tây, Bà Bảy Mỏ Cà, Cô Ba Bạc Liêu.

B. Internet

a. Hồ Tĩnh Tâm Về một bài ca dao Nam Bộ.
www.namkyluctinh.org.

C. Sách

1. Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ. 1970. Việt Nam Tự Điển. Nxb Khai Trí, Saigon, VN.
2. Nguyễn Hữu Phước, (2004). “Từ vua trong tiếng Việt”, “Dòng Sông Định Mạng” Tiếng Việt đa dạng, Southeast Asian Culture and Education Foundation, California, USA.
3. Phan Tấn Tài (2005-8). “Ca Dao Miền Nam” Đặc San Đồng Nai-Cửu Long. Nxb:Tả Quân Lê Văn Duyệt Foundation, Westminster California, USA.
4. Vương Hồng Sển (1995). Hơn Nửa Đời Hư, Nxb Văn Hóa, TP Hồ Chí Minh, VN.
5. Vương Hồng Sển (1993). Tự vi tiếng Việt miền Nam. Nxb Văn Hóa, TP Hồ Chí Minh, VN.

Chú thích: Những câu ca dao của Ts Phan Tấn Tài đã được trích từ những quyển sách sau đây, và những câu do Ts PTT ghi lại từ các bạn già khác.

Chúng tôi thành thành thật cảm tạ Ts Phan Tấn Tài, những bạn già, và những tác giả của những quyển sách liệt kê bên dưới.

[1] Vũ Ngọc Phan: Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt nam, in lần thứ 8, 1977;

[2] Lư Nhất Vũ; Lê Giang; Lê Anh Trung: Hò Nam bộ (Video), 1992;

[3] Lê Giang: Bộ hành với ca dao. NXB Trẻ, 2004;

[4] Ghi lại từ ký ức PTT&ĐTV;

[5] Hà Phương Hoàì: Tự điển ca dao (www.vietnam-on-line.com;
<http://e-cadao.com>);

[6] www.vietthings.com;

[7] Nguyễn Đăng Thục: Tư tưởng Việt Nam, NXB Khai Trí, 1964;

[8] Đoàn Thị Thu Vân: Chất hóm hình trong ca dao tình yêu Nam Bộ (www.thoangsaigon.com);

[9] Ghi nhanh trong một buổi tọa đàm tại tư gia Gs Trần Văn Khê, 1973.